



# Kinh tế học vi mô II

---

cuu duong than cong. com

**TS. Lê Văn Chiến**

**Đại học kinh tế- Đại học QG Hà Nội**

cuu duong than cong. com

# Bài 1

---



## KINH TẾ HỌC VI MÔ & PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG

Business School- NEU

# I. Phạm vi của kinh tế học

---

## 1.1. Kinh tế học là gì ?

- Nghiên cứu cách thức XH phân bổ nguồn lực cho những yêu cầu sử dụng mang tính cạnh tranh.
- Nghiên cứu cách thức XH trả lời 3 vấn đề kinh tế cơ bản: Sản cái gì? Sản xuất như thế nào? Sản xuất cho ai?



# Phạm vi của Kinh tế học vi mô

## Microeconomics

- Nghiên cứu hành vi của các ĐV kinh tế đơn lẻ: Người TD, SX, chủ đất, các hãng; Mục tiêu, hạn chế và cách thức đạt mục tiêu
- Nghiên cứu mối qh, tương tác giữa các thực thể để QĐ những vấn đề KT cụ thể: cung cầu, thị trường, giá, sản lượng, lợi nhuận...

## Macroeconomics

- Nghiên cứu hành vi của *nền kinh tế tổng thể*
- Nghiên cứu những vấn đề KT tổng hợp: tổng cung, tổng cầu, tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp...

# Các thành viên chủ yếu của nền kinh tế

	<u>Mục tiêu</u>
○ <b>Hãng:</b>	Maximize profit
○ <b>Hộ :</b>	Maximize utility
○ <b>Chính phủ:</b>	Maximize social benefit

## Hạn chế

**Nguồn lực  
khan hiếm  
(Scarce  
resources)**



**Scarc resources !!!**

## 1.2. Các lý thuyết (mô hình) kinh tế

---

- Đơn giản hoá thực thể kinh tế thông qua các giả định và khái niệm nhằm nắm được bản chất hoạt động của thực thể kinh tế.
  - Mô hình được sử dụng do “thế giới thực” quá phức tạp nếu phân tích chi tiết
  - Mô hình có xu hướng trở nên “không thực tế” nhưng rất hữu dụng
    - Mặc dù mô hình không giải thích được mọi chi tiết (như những ngôi nhà trên bản đồ) nhưng chúng cung cấp cho chúng ta cách thức giải quyết vấn đề



# Mô hình kinh tế và Mô hình tự nhiên

---

- Điểm giống nhau
  - Đều là sự đơn giản hoá thực thể
  - Cùng dùng để nghiên cứu các vấn đề cụ thể
- Điểm khác nhau
  - Có thể tạo ra các điều kiện lý tưởng đối với các mô hình tự nhiên
  - Không thể tạo ra môi trường lý tưởng đối với ktế

# Vai trò của lý thuyết

---

## Giải thích hiện tượng:

- Trên cơ sở tập hợp các nguyên lý và giả thiết, mô hình giải thích các hiện tượng.
- VD, giả thiết hãng tối đa hóa lợi nhuận, giải thích cách thức hãng lựa chọn SL, số lượng đầu vào: vốn, LĐ, tài nguyên
- Dự đoán: Dựa vào lý thuyết người ta dự đoán kết quả thay đổi khi các điều kiện thay đổi.
- VD, Lý thuyết hãng cho phép dự đoán SL của hãng sẽ tăng hay giảm khi tiền công tăng hoặc giá nguyên liệu giảm.





# Nhược điểm:

---

- Không thể mô tả hết thực tế
- Không có lý thuyết đúng và tính không thực tế của mô hình kinh tế

cuu duong than cong. com

# Không có lý thuyết đúng và tính không thực tế của mô hình kinh tế

---

- Kinh tế học là môn khoa học xã hội, khoa học về con người.
- Đối tượng nghiên cứu rất phức tạp: “Con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội”.
- Tỷ lệ đi làm của phụ nữ có chồng khi nam giới thất nghiệp sẽ thay đổi như thế nào?
- The additional-worker theory: Tỷ lệ đi làm của phụ nữ tăng lên vì lý thuyết này cho rằng mối quan tâm là tổng thu nhập chứ không phải cô ta kiếm được bao nhiêu.
- THE DISCOURAGED-WORKER THEORY: Tỷ lệ đi làm giảm xuống vì lý thuyết này cho rằng yếu tố quan trọng nhất trong quyết định của cô ta là sự căng thẳng của thị trường lao động chứ không phải là thu nhập tiềm năng của cô ta

## 1.3. Phân tích thực chứng và phân tích chuẩn tắc

---

KTVM nghiên cứu cả những vấn đề thực chứng và vấn đề chuẩn tắc.

- Phân tích thực chứng liên quan đến cách giải thích khoa học các vấn đề mang tính nhân quả và thường liên quan đến các câu hỏi như là đó là gì? Tại sao lại như vậy? điều gì sẽ xảy ra nếu...
- Phân tích chuẩn tắc liên quan đến việc đánh giá chủ quan của các cá nhân. Liên quan đến các câu hỏi như điều gì nên xảy ra? Cần phải như thế nào? ..



# Liệu các nhà kinh tế luôn đồng ý với nhau?

---

- Do các vấn đề thuộc chuẩn tắc phụ thuộc vào quan điểm chủ quan nên các nhà kinh tế không đồng ý với nhau trên nhiều vấn đề
- Do con người không có khả năng phân biệt giữa những vấn đề thực chứng và chuẩn tắc
- Bảng 1 cho thấy, rất nhiều sự tán thành theo những vấn đề thực chứng nhưng có ít sự tán đồng theo những vấn đề chuẩn tắc

# Tỷ lệ phần trăm các nhà kinh tế đồng ý với hàng loạt vấn đề trong ba quốc gia

Các vấn đề	Mỹ	Thụy sĩ	Đức
Thuế làm giảm phúc lợi kinh tế	95	87	94
Tỷ giá hối đoái linh hoạt ảnh hưởng đến giao dịch quốc tế	94	91	92
Kiểm soát tiền thuê nhà làm giảm chất lượng nhà cửa	96	79	94
Chính phủ tái phân phối thu nhập	68	51	55
Chính phủ sẽ thuê những người thất nghiệp	51	52	35



## 1.4. Phân tích thị trường

---

- Thị trường là tập hợp những người mua và người bán tác động qua lại lẫn nhau, dẫn đến khả năng trao đổi.
- Thị trường cạnh tranh và thị trường không cạnh tranh.
  - Thị trường CTHH: nhiều người mua, nhiều người bán, một người không ảnh hưởng đến giá
  - Thị trường cạnh tranh không HH: Nhiều người mua, bán nhưng vẫn ảnh hưởng đến giá nhất định
  - TT độc quyền: Độc quyền mua, bán, nhóm

## 1.4. Phân tích thị trường (tiếp)

---

- Giới hạn thị trường: Địa lý và sản phẩm.
- Giá thực và giá danh nghĩa
  - Giá danh nghĩa (hiện hành) của một mặt hàng chính là giá tuyệt đối của nó.
  - Giá thực tế (giá cố định) của một mặt hàng là giá đã điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát

cuu duong than cong. com

## II. Đường cầu và đường cung

---

### ○ Cầu:

- Cầu là số lượng hàng hóa mà người TD muốn mua và có khả năng mua tại các mức giá khác nhau trong khoảng thời gian nhất định (các yếu tố khác không đổi)

- Cầu TT là tổng hợp tất cả các cầu cá nhân lại với nhau theo chiều ngang.

- Quy luật cầu:

Số lượng hàng hóa được cầu trong khoảng thời gian đã cho tăng lên khi giá của hàng hóa đó giảm xuống và ngược lại





## • Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu

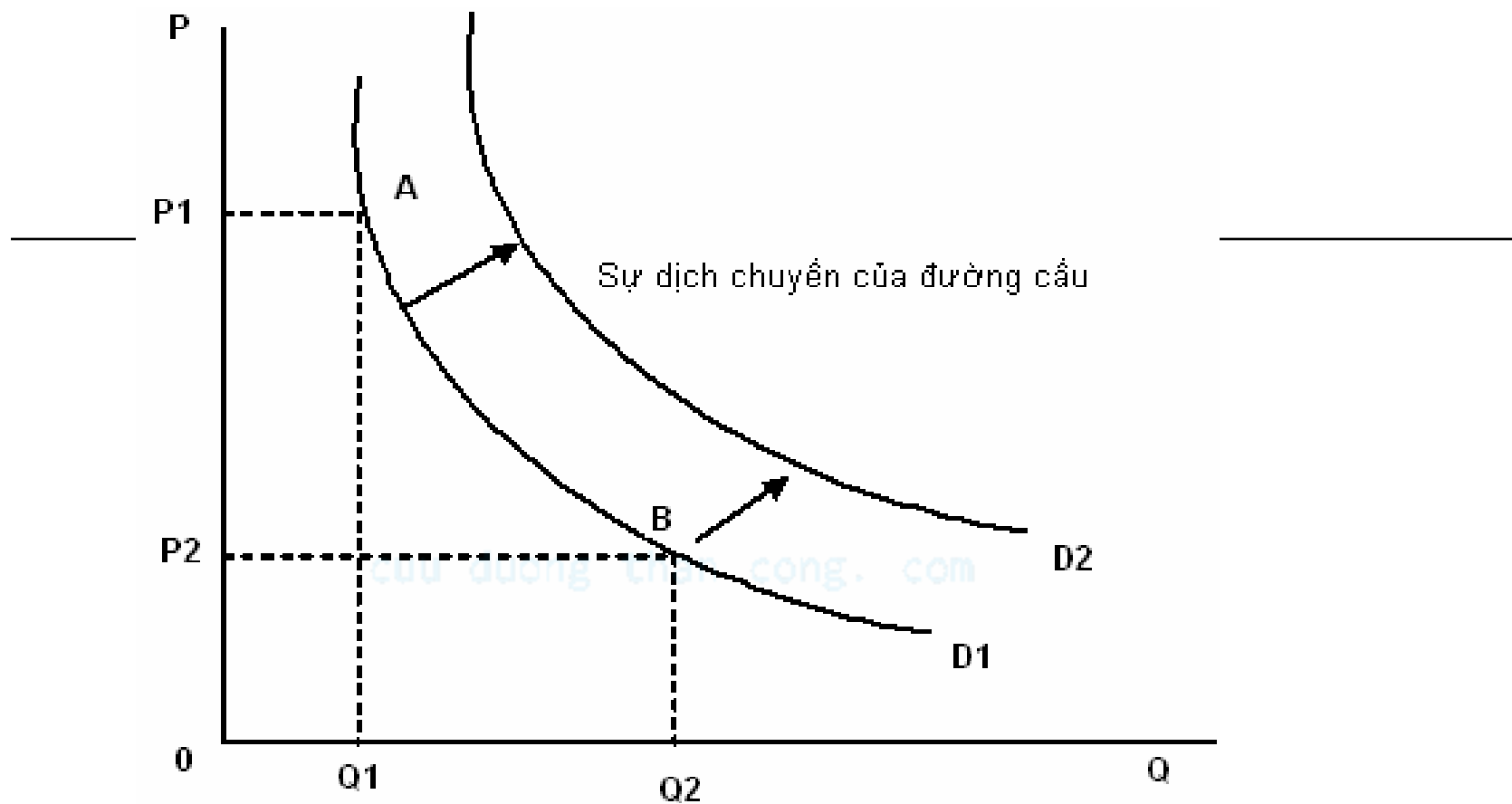
---

- Thu nhập của người tiêu dùng.
- Số lượng người tiêu dùng.
- Giá của các hàng hóa liên quan: HH thay thế và HH bổ sung.
- Thị hiếu của người tiêu dùng.
- Kỳ vọng

### ○ ***Biểu diễn bằng phương trình.***

$$D_x = F(P_x, P_y, I, N, T, E)$$

Trong đó:  $D_x$  là cầu đối với HH X,  $P_x$ : giá cả HH X,  $P_y$ : Giá cả HH có liên quan,  $I$ : Thu nhập,  $N$ : số lượng người TD,  $T$ : Thị hiếu,  $E$ : Kỳ vọng



Phân biệt vận động dọc theo đường cầu và dịch chuyển đường cầu

## II. Đường cầu và đường cung (tiếp)

---

### ○ Cung.

- Cung là số lượng HH mà người SX muốn bán và có khả năng bán tại các mức giá khác nhau trong khoảng thời gian nhất định (các yếu tố khác không đổi). Cung thị trường là tổng hợp tất cả cung của các cá nhân.

○ Quy luật cung: Số lượng HH được cung trong khoảng thời gian đã cho tăng lên khi giá của nó tăng lên và ngược lại (các yếu tố khác không đổi). Quy luật cung phản ánh một thực tế là khi giá tăng, động cơ sản xuất HH tăng lên.

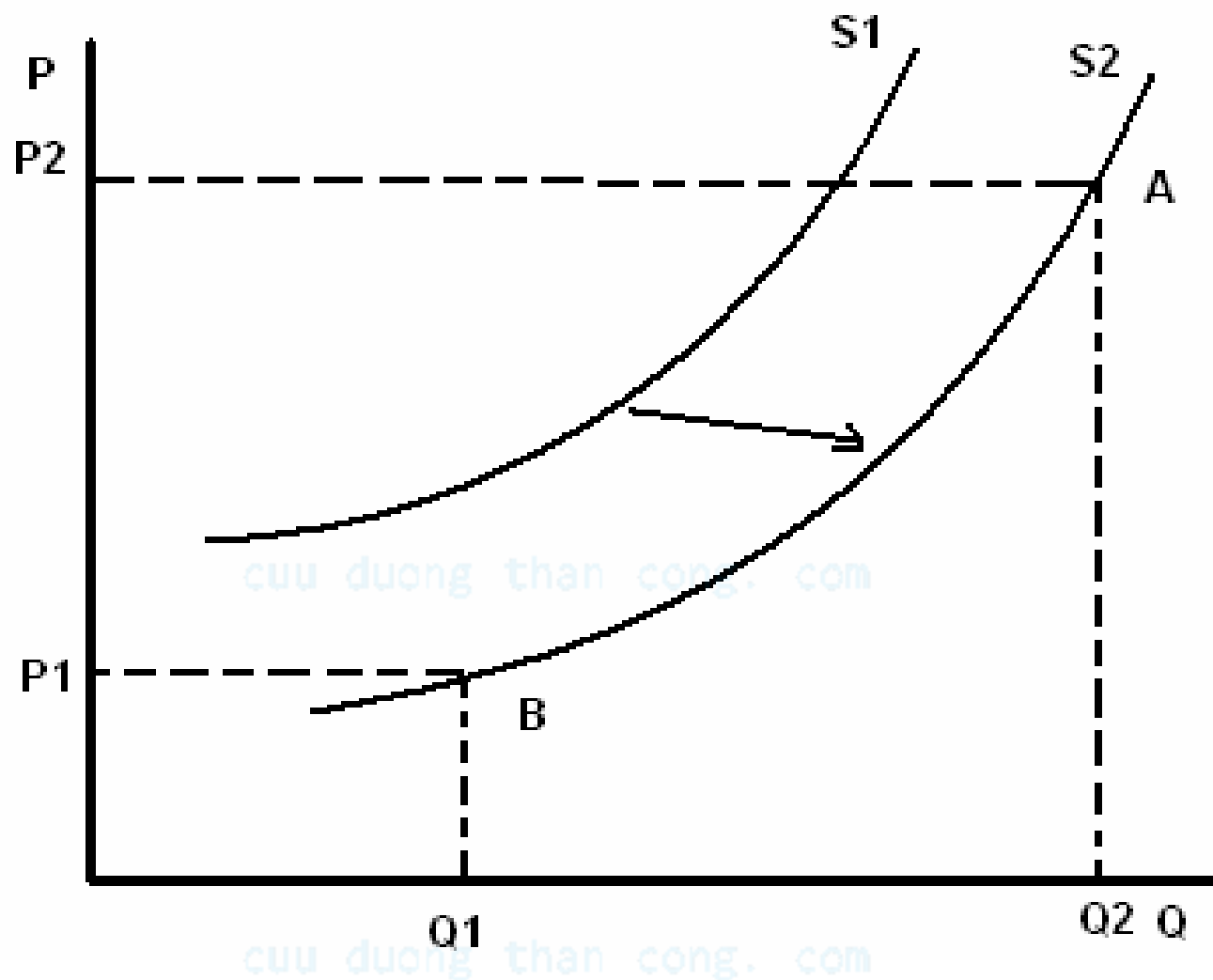
## • Các yếu tố ảnh hưởng đến cung

---

- Thuế
- Công nghệ sản xuất
- Giá của hàng hóa liên quan trong sản xuất
- Số lượng người sản xuất
- ***Biểu diễn bằng phương trình ta có.***

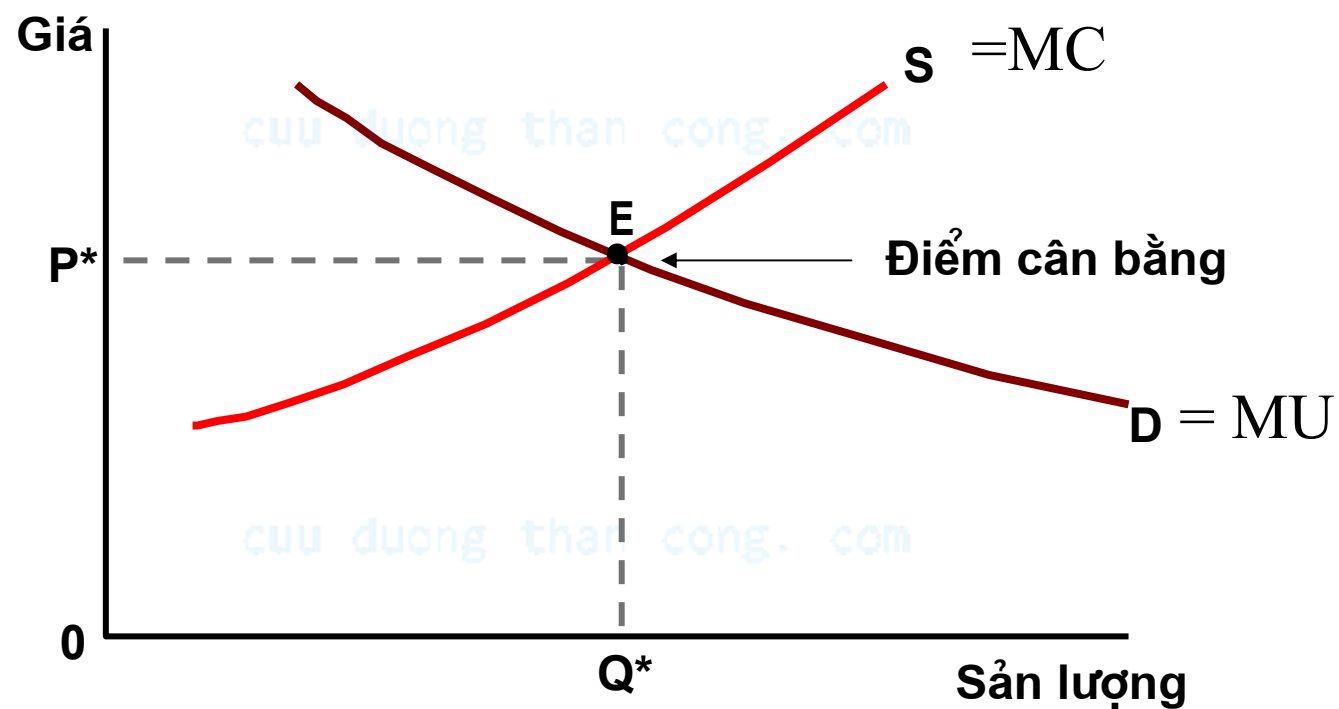
$$S_x = f(P_x, P_y, T, N, P_i, CN)$$

- Trong đó:  $S_x$  Cung của HH X,  $P_x$ : Giá của HH X,  $P_y$ : Giá của HH Y,  $T$ : Thuế,  $N$ : Số lượng người sản xuất,  $P_i$ : Giá của các yếu tố đầu vào,  $CN$ : Công nghệ



Phân biệt thay đổi dọc theo đường cung và dịch chuyển đường cung

# Xác định điểm cân bằng



# Cân bằng thị trường

---

- Cả người mua và người bán đều thoả mãn tại mức giá cân bằng, vì vậy không khuyến khích thành viên nào thay đổi hành vi trừ khi một số yếu tố khác xảy ra
- Marshall so sánh vai trò của cung và cầu trong việc thiết lập trạng thái cân bằng thị trường giống như 2 lưỡi của chiếc kéo, phải làm việc cùng nhau mới có thể cắt được

# Kết cục không cân bằng

---

- Nếu một số nguyên nhân nào đó làm cho giá cao hơn  $P^*$  thì người mua muốn mua ít hơn  $Q^*$  trong khi người bán muốn bán nhiều hơn  $Q^*$

cuu duong than cong. com

- Nếu một số nguyên nhân nào đó làm cho giá thấp hơn  $P^*$  thì người mua muốn mua nhiều hơn  $Q^*$  trong khi người bán muốn bán ít hơn  $Q^*$

cuu duong than cong. com



# Thay đổi cân bằng thị trường:

---

## Cầu tăng

- Hình dưới chỉ rõ trường hợp cầu hàng hoá tăng sẽ làm dịch chuyển đường cầu từ  $D_1$  đến  $D_2$

cuu duong than cong. com

- Điểm cân bằng mới được thiết lập và giá cân bằng tăng lên thành  $P_2$

cuu duong than cong. com

# Cầu tăng làm thay đổi giá và lượng cân bằng

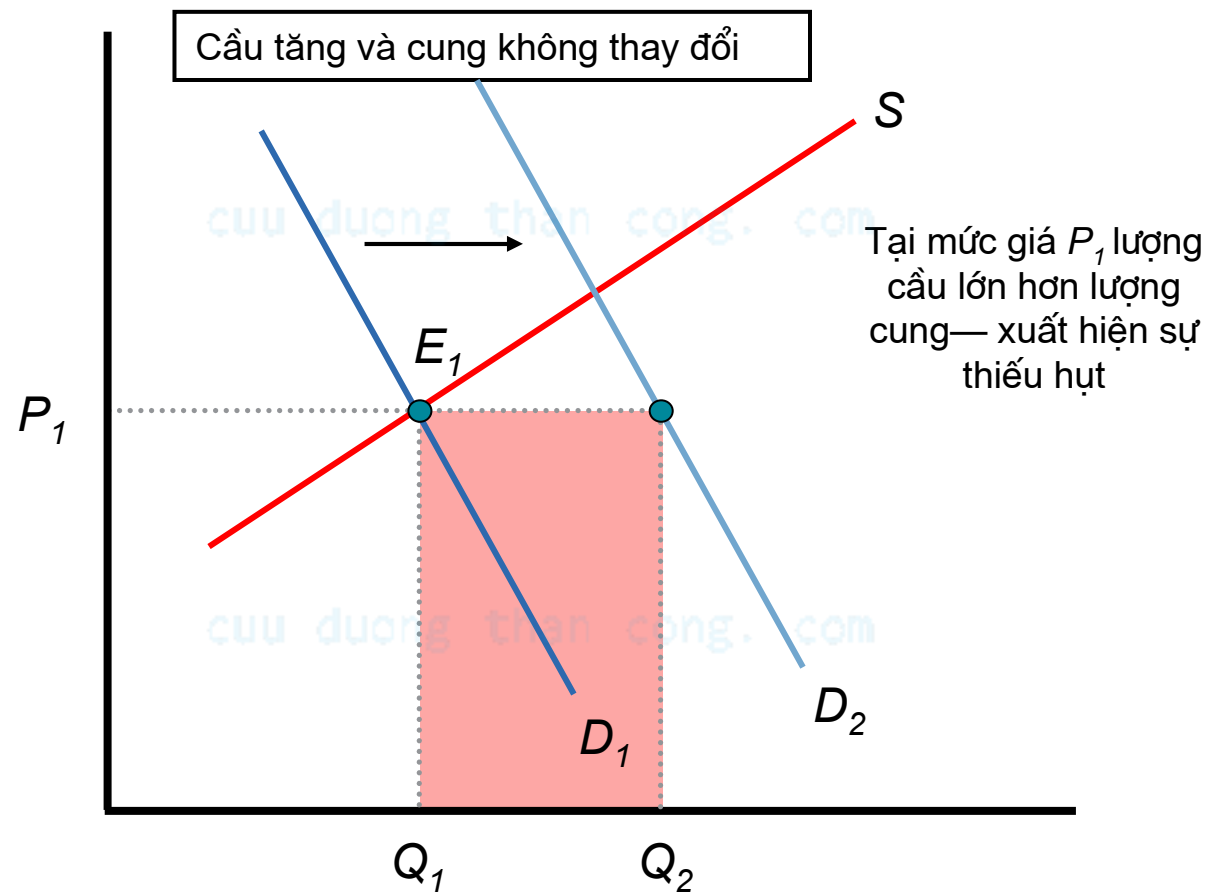


Figure 4-1

# Cầu tăng làm thay đổi giá và lượng cân bằng

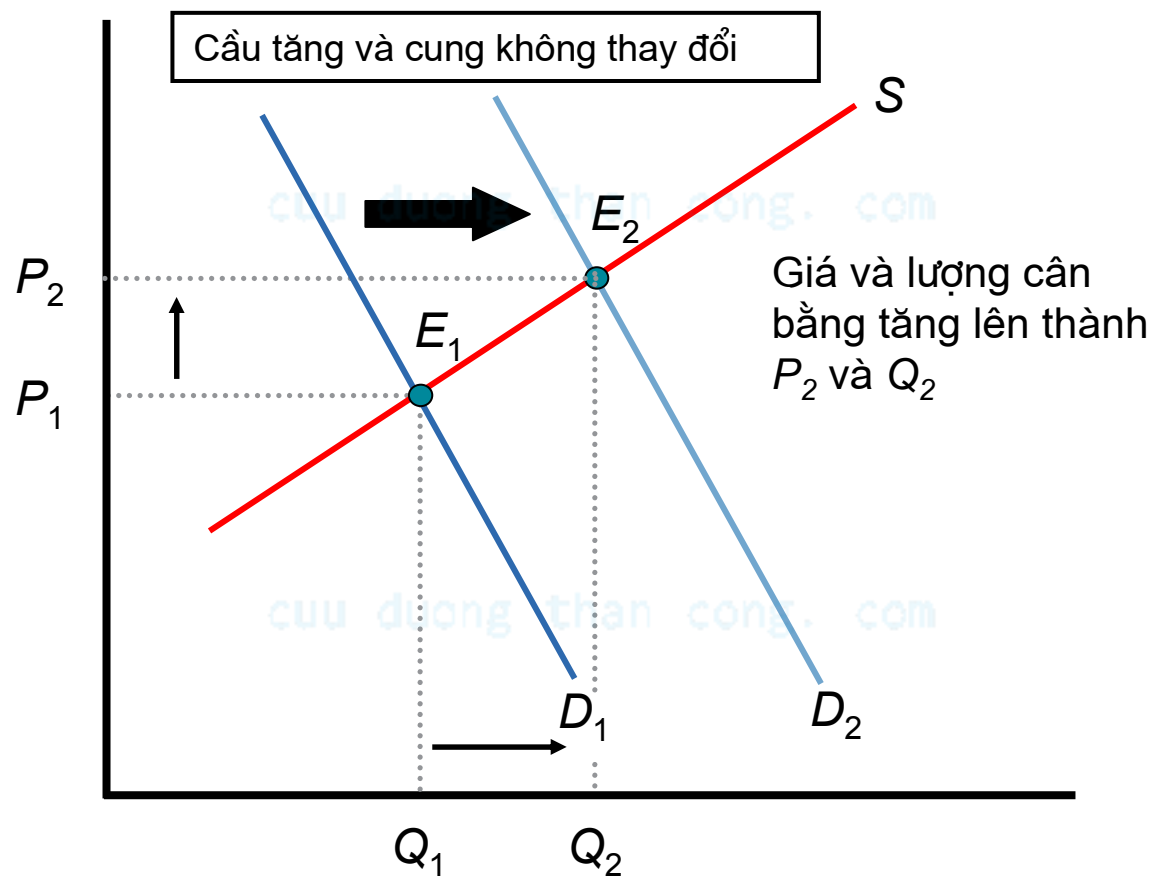


Figure 4-1

# Thay đổi cân bằng thị trường:

---

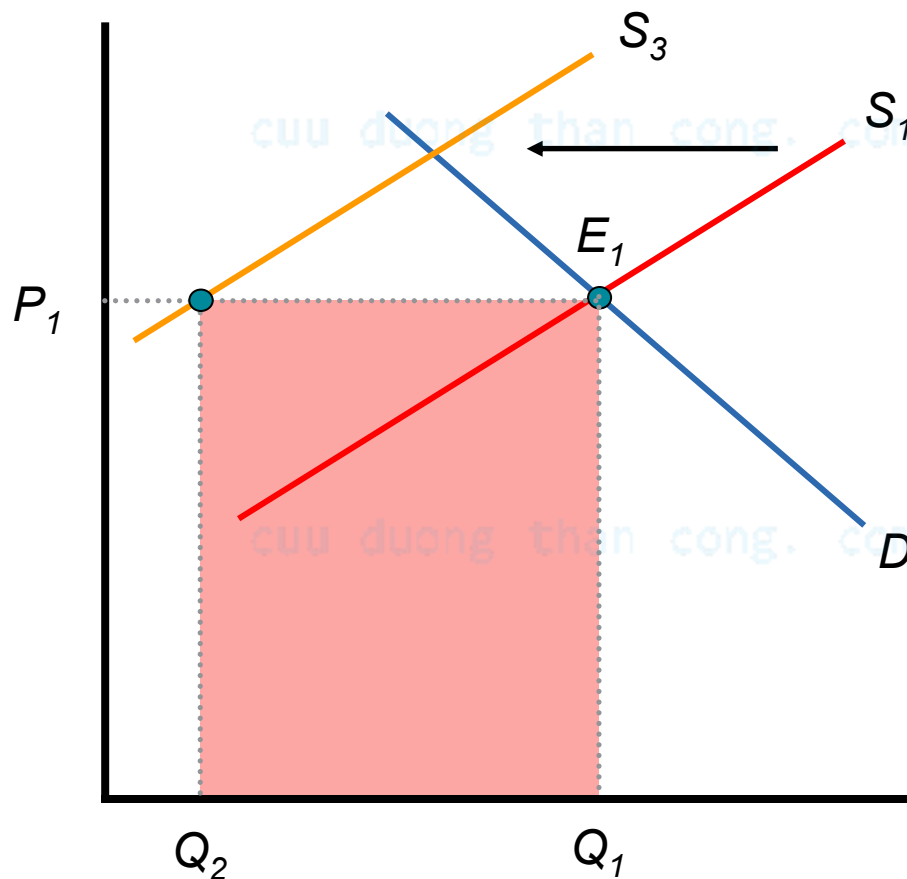
## Cung giảm

- Trong hình dưới đường cung dịch lên trên về bên trái phản ánh cung giảm do chi phí sản xuất tăng (ví dụ như tiền lương tăng)
- Tại mức giá cân bằng mới P3 người tiêu dùng sẽ phản ứng bằng việc giảm lượng cầu dọc theo đường cầu D

# Thay đổi cân bằng thị trường:

## Cung giảm

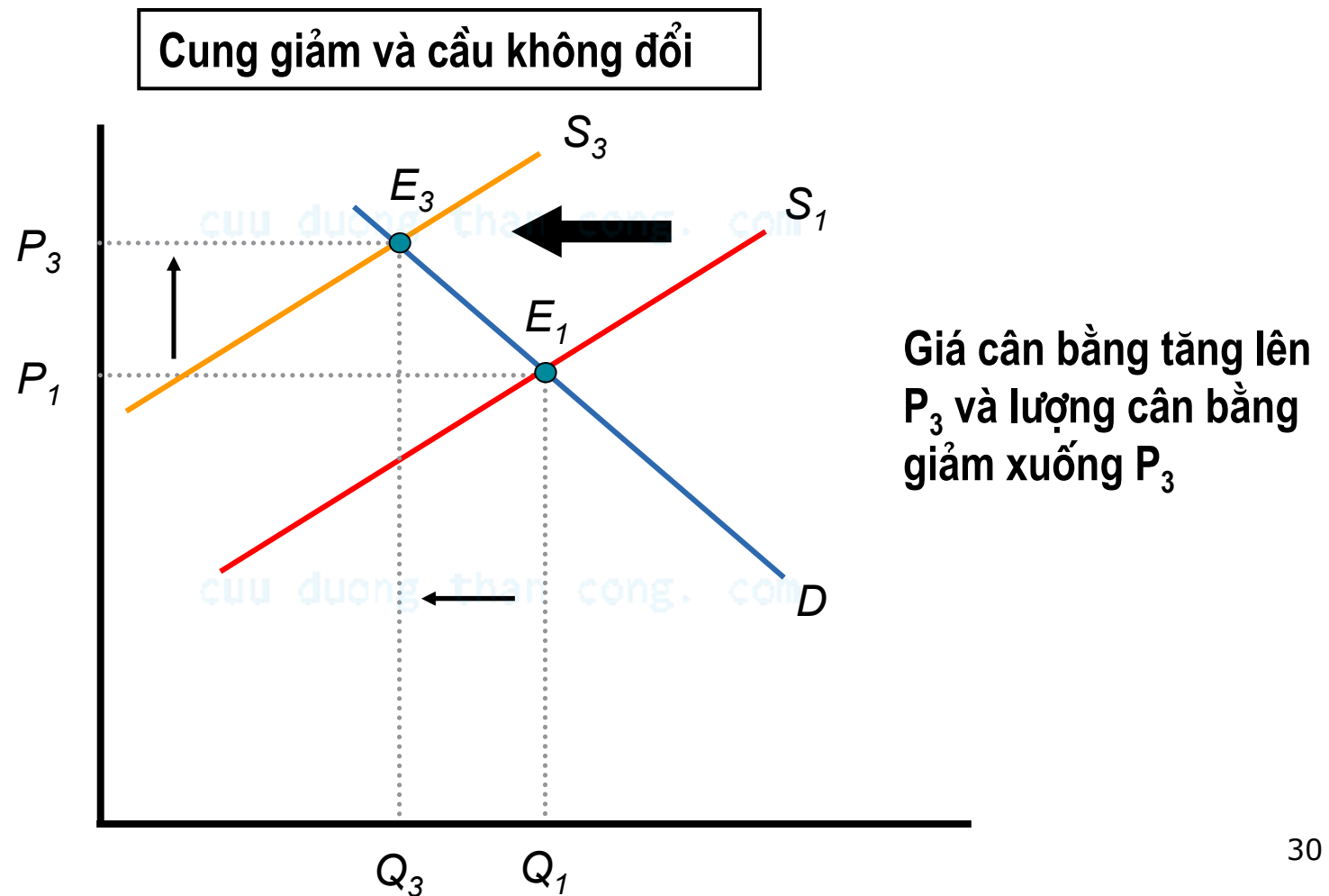
Cung giảm và cầu không đổi



Tại giá  $P_1$  lượng cầu lớn hơn lượng cung và xảy ra sự thiếu hụt

# Thay đổi cân bằng thị trường:

## Cung giảm



## Mô hình cân bằng tổng quát

---

- Mô hình của Marshall về cung và cầu là mô hình cân bằng bộ phận: mô hình kinh tế của thị trường một hàng hoá cụ thể
- Để xem xét tác động về sự thay đổi một thị trường lên các thị trường khác đòi hỏi phải nghiên cứu mô hình cân bằng tổng thể: Mô hình kinh tế của một hệ thống hoàn chỉnh các thị trường. ví dụ giá thịt lợn tăng (do giảm cung) làm tăng chi phí của ngành chế biến thịt hộp (giảm cung), cần sử dụng 2 mô hình cung cầu thịt lợn và thịt hộp....

# Kiểm soát giá

---

- **Giá trần**

- Chính phủ thường quy định mức giá cao nhất đối với một số loại hàng hóa nhằm mục đích bảo hộ một nhóm người nhất định

- **Giá sàn**

- Giá sàn thường định ở mức cao hơn giá cân bằng, thường gây ra hiện tượng dư thừa hàng hóa.
- **Ảnh hưởng của giá trần, giá sàn đến phúc lợi xã hội**



# Bài toán tối ưu hóa: 3 bộ phận

---

- Các biến số lựa chọn: Là các biến số mà các giá trị tối ưu của chúng cần được xác định: VD. Một hãng muốn biết phải SX mức SL nào để tối đa hóa lợi nhuận. SL là biến số lựa chọn.
- Hàm mục tiêu: Cho ta sự xác định về mặt toán học mối quan hệ giữa các biến số lựa chọn ở một vế và một biến số nào đó mà giá trị của nó ta muốn tối đa hóa hoặc tối thiểu hóa ở vế bên kia.
- Tập hợp khả thi: Tập hợp sẵn có các phương án cho người ra quyết định gọi là tập hợp khả thi.



## 3 cách xác định tập hợp khả thi

---

- Liệt kê trực tiếp
- Bằng một hoặc nhiều bất phương trình
- Bằng một hoặc nhiều hàm số hoặc phương trình
- Nghiệm của bài toán tối ưu
- Nghiệm của bài toán tối ưu hóa là vector
  - Các giá trị của các biến số lựa chọn
  - Nằm trong tập hợp khả thi
  - Mang lại giá trị tối đa hóa hoặc tối thiểu hóa trong hàm mục tiêu.



---

The End